TỔNG HỢP THÔNG TIN GIAO DỊCH
TRADING SUMMARY

Ngày:
Date: **27/10/2022**

1. Chỉ số chứng khoán
(Indices)

Chỉ số Indices	Đóng cửa Closing value	Tăng/Giảm +/- Change	Thay đổi (%) % Change	GTGD (tỷ đồng) Trading value (bil.dongs)
VNINDEX	1,028.01	34.65	3.49	11,121.74
VN30	1,028.50	38.09	3.85	4,143.96
VNMIDCAP	1,346.68	60.97	4.74	5,354.60
VNSMALLCAP	1,133.28	38.39	3.51	1,275.51
VN100	990.02	39.09	4.11	9,498.57
VNALLSHARE	997.53	38.98	4.07	10,774.08
VNXALLSHARE	1,601.14	62.41	4.06	11,312.49
VNCOND	1,638.44	37.87	2.37	494.08
VNCONS	752.86	28.64	3.95	1,101.72
VNENE	461.34	25.79	5.92	237.77
VNFIN	1,056.86	59.97	6.02	4,090.48
VNHEAL	1,396.93	18.86	1.37	16.07
VNIND	614.04	20.80	3.51	1,516.16
VNIT	2,447.04	67.65	2.84	152.96
VNMAT	1,372.35	45.96	3.47	1,179.88
VNREAL	1,140.14	17.12	1.52	1,751.34
VNUTI	850.51	20.84	2.51	233.12
VNDIAMOND	1,573.73	56.49	3.72	2,328.43
VNFINLEAD	1,292.31	78.08	6.43	3,923.67
VNFINSELECT	1,415.08	79.95	5.99	3,880.36
VNSI	1,674.89	56.59	3.50	2,238.69
VNX50	1,640.76	65.16	4.14	7,426.58

2. Giao dịch toàn thị trường
(Trading total)

Nội dung Contents	KLGD (ck) Trading vol. (shares)	GTGD (tỷ đồng) Trading val. (bil. Dongs)
Khớp lệnh	572,521,830	9,536
Thỏa thuận	75,394,495	1,590
Tổng	647,916,325	11,126

Top 5 chứng khoán giao dịch trong ngày
(Top volatile stock up to date)

STT No.	Top 5 CP về KLGD Top trading vol.		Top 5 CP tăng giá Top gainer		Top 5 CP giảm giá Top loser	
	Mã CK Code	KLGD (cp) Trading vol. (shares)	Mã CK Code	%	Mã CK Code	%
1	VND	37,130,186	DAH	7.00%	SVI	-6.94%
2	KBC	29,588,999	STB	7.00%	VAF	-6.94%
3	DIG	27,053,243	IJC	7.00%	SVD	-6.94%
4	SSI	23,941,187	HAX	6.99%	ST8	-6.92%
5	VPB	23,532,042	PVT	6.99%	BTT	-6.91%

Giao dịch của NĐTNN
(Foreigner trading)

Nội dung Contents	Mua Buying	%	Bán Selling	%	Mua-Bán Buying-Selling
KLGD (ck) Trading vol. (shares)	53,417,642	8.24%	60,173,419	9.29%	-6,755,777

GTGD (tỷ đồng) **Trading val. (bil. Dongs)**	1,129	10.15%	1,298	11.66%	-169

Top 5 Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài
(Top foreigner trading)

STT	Top 5 CP về KLGD NĐTNN Top trading vol.		Top 5 CP về GTGD NĐTNN		Top 5 CP về KLGD NĐTNN mua ròng	
1	MBB	12,376,192	MBB	216,579,431	STB	52,618,870
2	KBC	12,136,323	KBC	199,884,522	PVD	52,592,499
3	HPG	7,629,685	SAB	159,092,851	CTG	37,445,383
4	VND	6,724,200	VHM	155,503,503	SHB	34,815,237
5	STB	5,931,000	HPG	131,468,357	VRE	27,903,203

3. Sự kiện doanh nghiệp

STT	Mã CK	Sự kiện
1	HTN	HTN giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%, ngày thanh toán: 25/11/2022.
2	SAM	SAM giao dịch không hưởng quyền - trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 100:04 (số lượng dự kiến: 14.614.122 cp).
3	VPB	VPB nhận quyết định niêm yết bổ sung 4.505.692.987 cp (phát hành tăng vốn) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 27/10/2022.
4	CFPT2212	CFPT2212 (chứng quyền FPT/ACBS/CALL/EU/CASH/8M/27 - Mã chứng khoán cơ sở: FPT) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2022 với số lượng 8.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 70.000 đồng/cq.
5	CHPG2225	CHPG2225 (chứng quyền HPG/ACBS/CALL/EU/CASH/8M/19 - Mã chứng khoán cơ sở: HPG) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2022 với số lượng 9.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 17.000 đồng/cq.
6	CMBB2213	CMBB2213 (chứng quyền MBB/ACBS/CALL/EU/CASH/8M/21 - Mã chứng khoán cơ sở: MBB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2022 với số lượng 4.500.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 17.000 đồng/cq.
7	CMSN2214	CMSN2214 (chứng quyền MSN/ACBS/CALL/EU/CASH/8M/22 - Mã chứng khoán cơ sở: MSN) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2022 với số lượng 3.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 10:1, với giá: 100.000 đồng/cq.
8	CTCB2214	CTCB2214 (chứng quyền TCB/ACBS/CALL/EU/CASH/8M/20 - Mã chứng khoán cơ sở: TCB) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2022 với số lượng 4.500.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 27.000 đồng/cq.
9	CVHM2218	CVHM2218 (chứng quyền VHM/ACBS/CALL/EU/CASH/8M/26 - Mã chứng khoán cơ sở: VHM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2022 với số lượng 9.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 6:1, với giá: 54.000 đồng/cq.
10	CVNM2211	CVNM2211 (chứng quyền VNM/ACBS/CALL/EU/CASH/8M/24 - Mã chứng khoán cơ sở: VNM) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2022 với số lượng 6.000.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 6:1, với giá: 68.000 đồng/cq.
11	CVRE2219	CVRE2219 (chứng quyền VRE/ACBS/CALL/EU/CASH/8M/25 - Mã chứng khoán cơ sở: VRE) chính thức giao dịch lần đầu tại HOSE ngày 27/10/2022 với số lượng 4.500.000 chứng quyền. Tỷ lệ chuyển đổi: 3:1, với giá: 29.000 đồng/cq.
12	E1VFVN30	E1VFVN30 niêm yết và giao dịch bổ sung 300.000 ccq (tăng) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 27/10/2022.
13	FUEDCMID	FUEDCMID niêm yết và giao dịch bổ sung 200.000 ccq (tăng) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 27/10/2022.
14	FUEVFVND	FUEVFVND niêm yết và giao dịch bổ sung 100.000 ccq (giảm) tại HOSE, ngày niêm yết có hiệu lực: 27/10/2022.